

Phụ lục 1
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /12/2025 của Sở GDĐT)

Đơn vị tính: đồng

TT	TEN ĐƠN VỊ - LOẠI - KHOAN	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh giảm		
					Tổng cộng	Tính chất nguồn kinh phí 13	Tính chất nguồn kinh phí 12
I	Loại khoản 072						
1	Trường Chuyên biệt Tương Lai	1012109	0161	KBNN KV XIII	66.688.000	66.688.000	
2	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	1076378	0166	2	72.648.000	72.648.000	
II	Loại, khoản 074						
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	341.660.000	341.660.000	
2	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	197.866.000	197.866.000	
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	155.872.000	155.872.000	
4	Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	KBNN KV XIII	157.450.000	157.450.000	
5	Trường THPT Hòa Vang	1006802	0168	1	127.447.000	127.447.000	
6	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	142.158.000	142.158.000	
7	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	128.908.000	128.908.000	
8	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	111.463.000	111.463.000	
9	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	106.943.000	106.943.000	
10	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	0168	1	124.921.000	124.921.000	
11	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	122.013.000	122.013.000	
12	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	0168	1	71.500.000	71.500.000	
13	Trường THPT Sơn Trà	1127102	0168	1	88.180.000	88.180.000	
14	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	184.922.000	184.922.000	
15	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	86.101.000	86.101.000	
16	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	214.264.000	214.264.000	
17	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	126.200.000	126.200.000	
18	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	111.997.000	111.997.000	

TT	TEN ĐƠN VỊ - LOẠI - KHOAN	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh giảm		
					Tổng cộng	Tính chất nguồn kinh phí 13	Tính chất nguồn kinh phí 12
19	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	116.653.000	116.653.000	
20	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	120.366.000	120.366.000	
21	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	85.612.000	85.612.000	
22	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	137.565.000	137.565.000	
23	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	103.925.000	103.925.000	
24	Trường THPT Lê Quý Đôn	1045044	0171	4	111.323.000	111.323.000	
25	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	126.937.000	126.937.000	
26	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	131.335.000	131.335.000	
27	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	103.295.000	103.295.000	
28	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	1092748	0171	4	106.304.000	106.304.000	
29	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	70.711.000	70.711.000	
30	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	72.781.000	72.781.000	
31	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1131281	0172	5	73.483.000	73.483.000	
32	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	133.515.000	133.515.000	
33	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	103.313.000	103.313.000	
34	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	107.992.000	107.992.000	
35	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	29.895.000	29.895.000	
36	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	1127079	0174	7	22.165.000	22.165.000	
37	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	33.748.000	33.748.000	
38	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	40.923.000	40.923.000	
39	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	42.509.000	42.509.000	
40	Trường THPT Tố Hữu	1045039	0176	9	46.121.000	46.121.000	
41	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	52.442.000	52.442.000	
42	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	92.604.000	92.604.000	
43	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	94.812.000	94.812.000	
44	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	93.053.000	93.053.000	
45	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	1063747	0176	9	84.570.000	84.570.000	
46	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	1099757	0176	9	34.896.000	34.896.000	

TT	TEN ĐƠN VỊ - LOẠI - KHOAN	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh giảm		
					Tổng cộng	Tính chất nguồn kinh phí 13	Tính chất nguồn kinh phí 12
47	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1045172	0177	10	87.986.000	87.986.000	
48	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1011556	0177	10	79.346.000	79.346.000	
49	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	85.095.000	85.095.000	
50	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	36.567.000	36.567.000	
51	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	42.651.000	42.651.000	
52	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	28.829.000	28.829.000	
53	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	55.396.000	55.396.000	
54	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	116.987.000	116.987.000	
55	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	1064441	0178	11	93.989.000	93.989.000	
56	Trường THPT Tiểu La	1009977	0178	11	109.042.000	109.042.000	
57	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	78.807.000	78.807.000	
58	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	96.423.000	96.423.000	
59	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1063740	0178	11	58.076.000	58.076.000	
60	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	54.163.000	54.163.000	
61	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	69.607.000	69.607.000	
62	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	54.118.000	54.118.000	
63	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	1060002	0179	12	89.284.000	89.284.000	
64	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	72.023.000	72.023.000	
65	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	92.401.000	92.401.000	
66	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	89.273.000	89.273.000	
67	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	121.926.000	121.926.000	
68	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1010036	0179	12	116.348.000	116.348.000	
69	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	89.791.000	89.791.000	
70	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1010042	0179	12	53.558.000	53.558.000	
71	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	69.092.000	69.092.000	
72	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	73.875.000	73.875.000	

TT	TEN ĐƠN VỊ - LOẠI - KHOAN	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh giảm		
					Tổng cộng	Tính chất nguồn kinh phí 13	Tính chất nguồn kinh phí 12
73	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	1063743	0179	12	80.983.000	80.983.000	
74	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	94.776.000	94.776.000	
75	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	101.665.000	101.665.000	
76	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	1060732	0179	12	59.344.000	59.344.000	
III	Loại khoản 075						
1	Trung tâm GDTX Số 1	1070733	0168	1	57.696.000	57.696.000	
2	Trung tâm GDTX Số 3	1033043	0168	1	45.497.000	45.497.000	
3	Trung tâm GDTX Số 2	1076373	0166	2	61.320.000	61.320.000	
IV	Loại khoản 341						
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII	133.077.000	130.496.000	2.581.000
	* Tổng cộng				7.761.060.000	7.758.479.000	2.581.000

Ghi chú: Đối với 2% KPCĐ tính từ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo Nghị định số 77/2021/NĐ-CP (688.336.000 đồng), các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cũ đã được UBND tỉnh giao nguồn thường xuyên không giao tự chủ (tính chất nguồn 12) và số điều chỉnh giảm này đã được Sở GDĐT tính giảm tại Quyết định số 1427/QĐ-SGDĐT ngày 09/12/2025 (tại phụ lục 7). Không điều chỉnh giảm tại Quyết định này.

688.336.000 8.449.396.000